

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/8/2020

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thùy

2. Ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thùy D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1976 ; Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thùy D trình bày: Chị và anh Trần Văn N chung sống từ năm 2004, có đăng kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông. Hôn nhân tự nguyện, có tình cảm. Sau khi chung sống do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện đang sống ly thân và đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 01/2020. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là: Trần Văn S, sinh năm 2001; Trần Hoàng T, sinh ngày 17/6/2010.

Cháu S đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu T

chị D xin được nuôi đến tuổi trưởng thành,

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung vì anh N thường xuyên vắng nhà nên không chăm lo cho cháu được.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

Bồ nỡn anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa, vì anh N thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên sau khi thụ lý đơn ly hôn của chị D, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa đối với anh N theo đúng quy định của pháp luật, đến thời điểm này anh N vẫn vắng mặt.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị D được ly hôn với anh N.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 17/6/2010 cho chị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thùy D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp giải quyết việc ly hôn của chị với anh Trần Văn N. Bị đơn là Trần Văn N có địa chỉ tại xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Anh Trần Văn N là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn N và chị Hoàng Thị Thùy D theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị Thùy D và anh Trần Văn N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về sống chung vợ chồng không hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân được một thời gian dài. Qua xác minh tại địa phương được biết vợ chồng chị D, anh N thường xuyên mâu thuẫn chị D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 01/2020 cho đến nay. Điều này chứng tỏ mục đích hôn nhân giữa anh N và chị D đã không đạt được, cuộc hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài.

Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 17 và Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Đối chiếu với quy định trên thì việc chung sống giữa chị Hoàng Thị Thùy D và anh Trần Văn N không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Thùy D đối với anh Trần Văn N.

[3]. *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung, cháu đầu đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu T thì chị D có nguyện vọng được nuôi cháu đến tuổi trưởng thành và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị Thùy D là nguyên đơn phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thùy D đối với anh Trần Văn N.

1. 1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thùy D được ly hôn với anh Trần Văn N.

1. 2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 17/6/2010 cho chị Hoàng Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Văn N được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

1.3. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị Thùy D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thùy D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000098 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh